ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 216/BC-UBND	*Long Thành Trung, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Công khai số liệu dự toán ngân sách và phân bổ thu, chi ngân sách năm 2023 trình HĐND phường

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Thị xã Hòa Thành;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch Thị xã Hòa Thành.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12//2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thị xã Hòa Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn thị xã Hòa Thành;

Ủy ban nhân dân Phường Long Thành Trung công khai dự toán ngân sách nhà nước và thu, chi ngân sách phường trình Hội đồng nhân dân phường năm 2023 cụ thể như sau:

I. Thu NSNN:

Thu NSNN trên địa bàn (thu nội địa): 22.220.000.000 đồng, bằng dự toán UBND thị xã giao, tăng 44,68% so với dự toán năm 2022, tăng 1,47% so với ước thực hiện năm 2022.

II. Thu NSĐP:

Tổng thu NSĐP: 7.690.000.000 đồng, bao gồm:

1. Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp: 7.660.000.000 đồng, bằng dự toán UBND thị xã giao, tăng 15,24% so với dự toán năm 2022, giảm 9,88% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Thu NSĐP hưởng 100%: 363.000.000 đồng.
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) phần trăm: 7.297.000.000 đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ: 30.000.000 đồng.

III. Chi ngân sách:

Tổng chi NSĐP: 7.690.000.000 đồng, bằng dự toán UBND thị xã giao, giảm 4,77 so với dự toán năm 2022. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 7.660.000.000 đồng, giảm 4,84% so với dự toán năm 2022, giảm 17,06% so với ước thực hiện năm 2022:

- Chi thường xuyên: 7.509.000.000 đồng.
- Dự phòng ngân sách: 151.000.000 đồng.

2. Chi từ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ: 30.000.000 đồng.

(Biểu 103, 104, 105 kèm theo)

Trên đây là báo cáo công khai dự toán ngân sách nhà nước và thu, chi ngân sách phường trình Hội đồng nhân dân phường Long Thành Trung năm 2023.

Nơi nhận:
- UBND Thị xã;
- Phòng TC-KH Thị xã;
- Đảng ủy-HĐND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT, TC-KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Sơn

Biểu số 103/CK TC-NSNN

UBND PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**7.690.000.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**7.690.000.000**
I. Các khoản thu phường hưởng 100%	363.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7.297.000.000	II. Chi thường xuyên	7.539.000.000
III. Thu bổ sung	30.000.000	III. Dự phòng	151.000.000
-Bổ sung cân đối			
-Bổ sung có mục tiêu	30.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

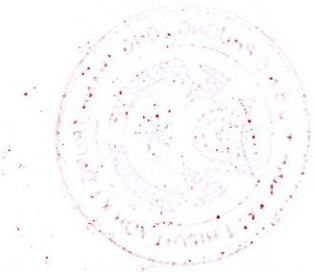

UBND PHƯỜNG LONG THẠNH TRUNG

Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NS phường	Tổng thu NSNN	Thu NS phường
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**21.897.869.600**	**13.423.755.003**	**22.220.000.000**	**7.690.000.000**	**101,47**	**57,29**
	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp (I +II)	**21.897.869.600**	**8.500.100.000**	**22.220.000.000**	**7.660.000.000**	**101,47**	**90,12**
I	**Các khoản thu 100%**	**501.057.169**	**501.057.169**	**363.000.000**	**363.000.000**	**72,45**	**72,45**
1	Phí, lệ phí	165.000.000	165.000.000	70.000.000	70.000.000	42,42	42,42
2	Thu từ qũy đất công ích và hoa lợi công sản khác	180.000.000	180.000.000	168.000.000	168.000.000	93,33	93,33
3	Thu từ bán thanh lý tài sản nhà nước						
4	Thu phạt, thu tịch khác theo quy định				-		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				-		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định				-		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				-		
8	Thu khác	156.057.169	156.057.169	125.000.000	125.000.000	80,10	80,10
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**21.396.812.431**	**7.999.042.831**	**21.857.000.000**	**7.297.000.000**	**102,15**	**91,22**
1	Các khoản thu phân chia	3.692.215.549	3.404.215.549	2.948.000.000	2.948.000.000	79,84	86,60
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	942.365.549	942.365.549	720.000.000	720.000.000	76,40	76,40
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh	373.850.000	183.850.000	180.000.000	180.000.000	48,15	97,91
	+ Xã thị trấn quản lý thu	183.850.000	183.850.000	*180.000.000*	180.000.000	97,91	97,91
	+ Huyện, quản lý thu	190.000.000			-	-	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.278.000.000	2.278.000.000	2.048.000.000	2.048.000.000	89,90	89,90
	- Thu khác ngoài quốc doanh	98.000.000				-	
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	17.704.596.882	4.594.827.282	18.909.000.000	4.349.000.000	106,80	94,65
	- Thuế giá trị gia tăng	6.202.727.282	2.930.227.282	11.340.000.000	3.538.000.000	182,82	120,74
	+ Doanh nghiệp, luật HTX	3.850.000.000	577.500.000	*7.660.000.000*	822.000.000	198,96	142,34
	+ Thu từ cá nhân SXKD HH, DV	2.352.727.282	2.352.727.282	*2.620.000.000*	*2.620.000.000*	111,36	111,36
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.082.000.000	162.300.000	*1.060.000.000*	96.000.000	97,97	59,15
	- Thuế TTĐB đối với HHSX trong nước						
	- Thuế TNCN	9.852.000.000	1.477.800.000	7.560.000.000	802.000.000	76,74	54,27
	- Thuế tài nguyên	5.000.000	5.000.000	9.000.000	9.000.000	180,00	180,00
	- Thu khác ngoài quốc doanh SXKD HH, DV	130.000.000	19.500.000			-	-
	- Thu tiền sử dụng đất	432.719.600				-	
	- Phí bảo vệ môi trường	150.000				-	
	- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**		**3.005.657.240**				-
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**341.749.762**				-
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**-**	**1.576.248.000**	**-**	**30.000.000**		**1,90**
	- Thu bổ sung cân đối		1.403.000.000				-
	- Thu bổ sung có mục tiêu		173.248.000		30.000.000		17,32

UBND PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**8.075.000.000**	**-**	**8.075.000.000**	**7.690.000.000**	**-**	**7.690.000.000**	**95,23**		**95,23**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hoá, thông tin	192.000.000		192.000.000	195.000.000		195.000.000	101,56		101,56
5	Chi phát thanh, truyền thanh	31.000.000		31.000.000	10.000.000		10.000.000	32,26		32,26
6	Chi thể dục thể thao	21.000.000		21.000.000	26.000.000		26.000.000	123,81		123,81
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	125.050.000		125.050.000	286.000.000		286.000.000	228,71		228,71
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.370.750.000		4.370.750.000	3.944.320.000		3.944.320.000	90,24		90,24
10	Chi quốc phòng	1.098.400.000		1.098.400.000	1.106.680.000		1.106.680.000	100,75		100,75
11	Chi an ninh và tật tự an toàn xã hội	1.740.800.000		1.740.800.000	1.586.000.000		1.586.000.000	91,11		91,11
12	Chi cho công tác xã hội	249.000.000		249.000.000	297.000.000		297.000.000	119,28		119,28
13	Chi khác	36.000.000		36.000.000	38.000.000		38.000.000	105,56		105,56
14	Dự phòng ngân sách	161.000.000		161.000.000	151.000.000		151.000.000	93,79		93,79